

NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG XỬ LÝ TỘI PHẠM CHO VAY LÃI NẶNG TRONG GIAO DỊCH DÂN SỰ

ĐỒNG THỊ LAN ANH*

Trước xu hướng gia tăng của tội phạm có liên quan đến “tín dụng đen”, các cơ quan chức năng đã đặc biệt quan tâm xử lý loại tội phạm này. Tuy nhiên, trên thực tiễn áp dụng pháp luật và xử lý tội phạm về Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 vẫn còn nhiều vướng mắc, bất cập.

Từ khóa: Tín dụng đen; cho vay lãi nặng; Bộ luật Hình sự.

Nhận bài: 05/9/2019; biên tập xong: 20/9/2019; duyệt bài: 25/9/2019.

Điều 201 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 - Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng,

cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Theo quy định này, hành vi khách quan, cấu thành cơ bản của Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự phải có đủ cả 3 điều kiện: Hành vi cho vay phải xuất phát từ giao dịch dân sự; lãi suất cho vay trong giao dịch dân sự đó phải gấp từ 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự (BLDS) quy định; người cho vay thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Tuy nhiên, thực tế còn rất nhiều ý kiến khác nhau về quy định “*thu lợi bất*

* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng”.

Ý kiến thứ nhất: Số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên là số tiền được tính của tất cả các hợp đồng cho vay cộng lại để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, không trừ phần tiền thu lợi từ 20% của giá trị tài sản vay (là lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015).

Ý kiến thứ hai: Số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên chỉ tính trên cơ sở tiền thu lợi theo tiền lãi 20% của giá trị tài sản vay và được tính trên từng hợp đồng vay để xác định có cấu thành tội phạm hay không.

Ý kiến thứ ba: Số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên được tính trên cơ sở đã trừ phần thu lợi từ 20% của giá trị tài sản vay hợp pháp và chỉ tính theo từng hợp đồng vay, không được tính trên tổng các hợp đồng vay để xác định cấu thành tội phạm.

Ý kiến thứ tư: Số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên được tính trên cơ sở đã trừ phần thu lợi từ 20% của giá trị tài sản vay hợp pháp và phải tính trên tổng các hợp đồng vay để xác định cấu thành tội phạm.

Trong thực tiễn, việc chứng minh số tiền thu lợi bất chính làm căn cứ để xử lý đối tượng cho vay lãi nặng còn gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể:

Thứ nhất, do các đối tượng này thường dùng những thủ đoạn tinh vi để trốn tránh pháp luật như: Hợp đồng vay nợ không ghi thỏa thuận về lãi suất, bên cho vay tính luôn tiền lãi gộp cùng tiền gốc, ghi trong hợp đồng thành số tiền nợ (hợp đồng không thể hiện có lãi suất như thực tế). Có những hợp đồng vay dài hạn từ nhiều năm trước, khi đã đến hạn (trả lãi cuối kỳ) nhưng chưa trả nên số tiền lãi được nhập lại để tính thành khoản

tiền gốc. Trường hợp này, cơ quan tiến hành tố tụng còn chưa thống nhất về việc có được tính là thu lợi bất chính không hay phải căn cứ vào hợp đồng mới và số tiền cụ thể thu lợi thì mới tính được. Hoặc bên cho vay yêu cầu người vay viết giấy vay tiền với số tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng, thời gian thanh toán tiền vay từ 30 ngày đến 40 ngày, không ghi mức lãi suất (thực tế là thỏa thuận miệng mức lãi suất 2.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày). Trường hợp cho vay số lượng tiền lớn thì yêu cầu chia thời gian thanh toán rất ngắn, sau khi thực hiện hết thỏa thuận đó thì tiếp tục gia hạn. Do vậy, dù lãi thực tế phải trả rất nặng, nhưng số tiền thu lợi bất chính tính theo thỏa thuận của hai bên trong từng hợp đồng đều dưới 30.000.000 đồng. Bên cạnh đó, hiện vẫn còn chưa thống nhất trong việc tính số tiền thu lợi bất chính phải căn cứ vào số tiền thực tế đã thu hay chỉ cần có căn cứ xác định số tiền hai bên đã thỏa thuận, chưa thực hiện hết đã bị phát hiện xử lý (vì theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015: “Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”, người vay có quyền không thực hiện việc trả số lãi vượt quá này). Do đó, việc xác định lãi suất và số tiền thu lợi bất chính để xử lý không đơn giản.

Thứ hai, việc xử phạt hành chính hành vi này đang gặp khó khăn, vướng mắc do quy định về phạt tiền đối với hành vi “cho vay tiền có cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay” tại điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ chỉ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng cháy và chữa

cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Trong thực tế, các đối tượng cho vay lãi nặng dưới hình thức “tín dụng đen” thường không ký kết hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản mà thể hiện hợp đồng dưới hình thức tin chấp; hoặc đối tượng cho vay thường yêu cầu người vay ký hợp đồng mua bán tài sản (thực tế không có giao dịch mua bán mà bản chất là để che giấu giao dịch cầm cố, thế chấp tài sản), sau đó, người vay viết giấy mượn lại hoặc thuê tài sản đó, hẹn đến một thời điểm nhất định sẽ trả lại tài sản cho đối tượng cho vay. Khi người vay không đủ khả năng trả lãi hàng tháng theo thỏa thuận, đối tượng cho vay đòi lại tài sản (thực tế là chiếm giữ luôn tài sản đã cầm cố, thế chấp). Tuy nhiên, cơ quan chức năng không xử lý được hành vi cho vay lãi nặng vì bên vay không cung cấp được chứng cứ vật chất (như giấy biên nhận, sổ ghi tiền lãi trả có chữ ký xác nhận của bên cho vay...) để chứng minh việc trả lãi hàng tháng, cũng như không chứng minh được hợp đồng mua bán tài sản là giao dịch giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản có thế chấp, nên không đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự. Mặt khác, quy định về lãi suất tại điều này lại chưa thông nhất với mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015 như đã phân tích ở trên, cũng gây khó khăn cho việc xử lý.

Thứ ba, vẫn còn nhiều cách hiểu về phạm vi áp dụng Điều 201 BLHS năm 2015 đối với hành vi thực hiện trước ngày 01/01/2018, kéo dài và bị phát hiện, xử lý khi BLHS năm 2015 có hiệu lực. Ví dụ: Hợp đồng vay trong thời hạn 6 tháng, ngày kết thúc của hợp đồng là ngày 31/01/2018 (các điều kiện khác trong hợp đồng thỏa mãn cấu thành Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Điều 201 BLHS năm 2015). Vậy có truy tố được người cho vay

lãi nặng theo hợp đồng trên không?

Thứ tư, một số trường hợp, khi người vay chưa có tiền trả, chủ nợ thường gây áp lực, đe dọa, khủng bố tinh thần, thậm chí truy sát, khiến người vay hoang sợ, phải lánh mặt và chỉ chờ người vay không có mặt ở nơi cư trú là chủ nợ làm đơn tố cáo, đến cơ quan chức năng để hình sự hóa quan hệ dân sự, truy cứu trách nhiệm người vay về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Vì không có lời khai của người vay, đối tượng tố cáo thường mua chuộc, tác động người liên quan khác cung cấp các lời khai theo hướng có lợi cho bên cho vay và luôn đưa ra những tài liệu, chứng cứ vật chất (hợp đồng, giấy cam kết mượn tài sản...) đã chủ ý tạo lập từ trước để chứng minh việc người vay cố tình trốn tránh, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nếu cơ quan tiến hành tố tụng xử lý thiếu thận trọng, không nắm được bản chất vấn đề thì lúc này người vay đang ở vị thế là nạn nhân đã trở thành tội phạm và không xử lý được tình trạng “tín dụng đen”.

Đối với những khó khăn, vướng mắc nêu trên, tác giả có ý kiến như sau:

- Về cách tính khoản thu lợi bất chính theo Điều 201 BLHS năm 2015, tác giả đồng tình với ý kiến thứ tư, căn hiệu theo hướng số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên được tính trên cơ sở đã trừ phần thu lợi từ 20% của giá trị tài sản vay hợp pháp. Vì như chính bản thân khái niệm “thu lợi bất chính” đã thể hiện việc thu lợi đó là trái pháp luật. Do đó, để đảm bảo sự thống nhất của các văn bản pháp luật liên quan vẫn phải công nhận khoản tiền lãi được pháp luật dân sự cho phép (tại Điều 468 BLDS năm 2015), chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với phần vượt quá, không được pháp luật cho phép. Trong trường hợp đối tượng cho vay lãi nặng thực hiện nhiều giao dịch với

một người hoặc thực hiện giao dịch với nhiều người, thì cách tính số tiền thu lợi bất chính là tổng số tiền lãi thu được của tất cả các giao dịch còn thời hiệu xử lý (bao gồm cả những lần cho vay thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng chưa bị phát hiện, xử lý). Vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao đã có Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử, tuy nhiên, theo công văn này, khoản tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự là tổng số tiền lãi mà người phạm tội thu được của tất cả những người vay lại phải có thêm điều kiện "hành vi cho vay lãi nặng được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian". Thiết nghĩ, trên thực tế, để chứng minh điều kiện này sẽ gây khó khăn không nhỏ cho các cơ quan tiến hành tố tụng do chưa có hướng dẫn cụ thể hành vi cho vay lãi nặng được thực hiện với thời gian, mức độ, tần suất như thế nào là "liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian". Do đó, để hiểu và áp dụng thống nhất, rất

cần sự hướng dẫn cụ thể về điều kiện này. Ngoài ra, nếu bắt buộc phải có điều kiện "liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian", có thể dẫn đến tình trạng các đối tượng "lách luật", chủ động giãn thời gian các hợp đồng cho vay để trốn tránh trách nhiệm hình sự.

- Về phạm vi áp dụng Điều 201 BLHS năm 2015 đối với hành vi thực hiện trước ngày 01/01/2018, liên tục kéo dài và bị phát hiện, xử lý khi BLHS năm 2015 có hiệu lực. Như ví dụ trên đã nêu: Hợp đồng vay trong thời hạn 6 tháng, ngày kết thúc của hợp đồng là ngày 31/01/2018, theo nguyên tắc có lợi, chỉ tính số tiền thu lợi bất chính để buộc đối tượng này chịu trách nhiệm hình sự từ ngày 01/01/2018 đến 31/01/2018. Nếu số tiền thu lợi thực tế nhận được trong thời điểm này từ 30.000.000 đồng trở lên, các điều kiện khác trong hợp đồng thỏa mãn cấu thành Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Điều 201 BLHS năm 2015 thì hoàn toàn có thể truy cứu trách nhiệm hình sự theo tội danh này. □

MỘT SỐ NỘI DUNG...

(Tiếp theo trang 20)

bảo đảm thì Viện kiểm sát ra văn bản phê chuẩn biện pháp đặt tiền để bảo đảm và quyết định về việc hủy bỏ biện pháp tạm giam trong quyết định phê chuẩn. Đối với việc áp dụng biện pháp bảo lãnh được thực hiện theo Quy chế số 03. Trường hợp Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp bảo lãnh thì gửi sang Viện kiểm sát phê chuẩn. Kiểm sát viên kiểm tra, đề xuất lãnh đạo Viện phê chuẩn hoặc không phê

chuẩn. Trong giai đoạn điều tra, nếu nhận thấy đủ điều kiện áp dụng biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm mà Cơ quan điều tra không thực hiện thì Kiểm sát viên đề xuất lãnh đạo Viện ra quyết định thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh¹³. □

13. Hiện nay trong Mẫu số 44/HS về phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp bảo lãnh ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-VKSTC ngày 09/01/2018 ban hành mẫu văn bản tố tụng, văn bản nghiệp vụ thực hiện trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố không có nội dung về việc hủy bỏ biện pháp tạm giam nên thực tế nhiều nơi Viện kiểm sát vẫn ra kèm quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam để gửi cho cơ sở giam giữ thực hiện việc trả tự do